

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH**

Số: 4844 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Trà Vinh, ngày 14 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng
xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (điều chỉnh quy hoạch chung
nông thôn mới xã Long Đức)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Văn bản hợp nhất Luật số 01/VBHN-VPQH ngày 25/7/2015 sửa đổi, bổ sung Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính Phủ Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng về hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Công văn số 655/UBND-KTTH ngày 27/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chung xây dựng xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (điều chỉnh quy hoạch chung nông thôn mới xã Long Đức);

Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 03/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã Long Đức về việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (Điều chỉnh quy hoạch chung nông thôn mới xã Long Đức) và Báo cáo kết quả thẩm định số 05/KTHT-TĐ ngày 05/6/2019 của Phòng Quản lý đô thị thành phố Trà Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (điều chỉnh quy hoạch chung nông thôn mới xã Long Đức), với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, qui mô lập quy hoạch:

- Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (điều chỉnh quy hoạch chung nông thôn mới xã Long Đức).

- Vị trí : Xã Long Đức, thành phố Trà Vinh.

- Phạm vi ranh giới: Xã Long Đức nằm về phía Bắc thuộc thành phố Trà Vinh, với tứ cận như sau:

+ Phía Bắc: Giáp sông Cổ Chiên.

+ Phía Nam: Giáp phường 1, phường 7 và xã Nguyệt Hóa huyện Châu Thành.

+ Phía Tây: Giáp xã Đại Phước huyện Càng Long.

+ Phía Đông: Giáp phường 4 và xã Hòa Thuận huyện Châu Thành.

- Quy mô lập quy hoạch: Diện tích tự nhiên của xã khoảng 3.908,52 ha.

2. Tính chất, chức năng, mục tiêu chủ yếu:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế xã hội của thành phố Trà Vinh.

- Phù hợp với các tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020 được ban hành tại Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

- Là xã thuộc ngoại thành thành phố Trà Vinh với kinh tế trọng tâm là nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, thương mại...

- Phù hợp theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của thành phố Trà Vinh trong thời gian tới.

- Làm cơ sở tiền đề quản lý trật tự xây dựng, thu hút kêu gọi đầu tư và đầu tư xây dựng trên địa bàn.

- Định hướng phát triển hệ thống không gian phù hợp với nhu cầu phát triển và đặc thù của địa phương,...

Là xã có diện tích và điều kiện tự nhiên thuận lợi phát triển nông nghiệp gắn với đẩy mạnh công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước, gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển theo quy hoạch.

3. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số, chỉ tiêu sử dụng đất và chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

a. Quy mô dân số:

- Hiện nay trên địa bàn xã Long Đức có 4.438 hộ với tổng số 17.566 người; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1% và tỷ lệ tăng cơ học khoảng 0,5%.

- Dự báo dân số đến năm 2030: 20.500 người

b. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)
Đất ở	≥ 25
Đất xây dựng công trình dịch vụ	≥ 5
Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	≥ 5
Cây xanh công cộng	≥ 2

c. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (áp dụng theo Tiêu chuẩn đô thị loại II):

- Cấp nước sinh hoạt: ≥ 120 lít/người/ngày, tỷ lệ dân số được cấp nước ≥ 90%.

- Cấp điện: 750Kwh/người.năm
- Cao độ xây dựng trung bình: $\geq 2,3$ m (cao độ Quốc gia, theo quy hoạch vùng tỉnh Trà Vinh)
- Lượng chất thải rắn phát sinh: 1kg/người- ngày; Tỷ lệ thu gom CTR $\geq 95\%$.
- Các chỉ tiêu đảm bảo quy chuẩn xây dựng Viện Nam 01:2008, các tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành và đáp ứng Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

4. Các yêu cầu trong công tác lập đề án quy hoạch:

- Phân tích, đánh giá hiện trạng bao gồm: Hiện trạng về điều kiện tự nhiên, hiện trạng sử dụng đất, nhà ở, các công trình công cộng, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật, sản xuất, môi trường...
- Xác định các yếu tố tác động của vùng xung quanh ảnh hưởng đến phát triển không gian trên địa bàn xã.
- Rà soát, đánh giá các dự án và các quy hoạch còn hiệu lực trên địa bàn xã.
- Xác định tiềm năng, động lực chính phát triển kinh tế - xã hội của xã.
- Tổ chức không gian tổng thể toàn xã, tổ chức, phân bố các khu chức năng; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất.
- Đánh giá môi trường chiến lược.
- Và một số nội dung có liên quan khác.

5. Danh mục, số lượng hồ sơ:

5.1 Hồ sơ Nhiệm vụ quy hoạch, gồm:

a). Bản vẽ bao gồm:

- Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng huyện, vùng liên huyện.
- Bản đồ ranh giới phạm vi nghiên cứu quy hoạch chung xây dựng xã.

b). Quyền báo cáo thuyết minh: thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

5.2 Hồ sơ đề án quy hoạch, gồm:

a). Thành phần bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng: Xác định vị trí, ranh giới lập quy hoạch (toàn bộ ranh giới hành chính của xã).
- Bản đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng.
- Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã.
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Thể hiện theo tỷ lệ 1/5000 hoặc 1/10.000.

- Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; hạ tầng phục vụ sản xuất. Thể hiện theo tỷ lệ 1/5000 hoặc 1/10.000.

b). Thuyết minh: thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 8, Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

c). Các phụ lục tính toán kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh, các số liệu tính toán) và các văn bản pháp lý liên quan. Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ.

d). Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch bao gồm các nội dung quy định tại Điều 10, Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017.

e). Dự thảo Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch gồm các nội dung quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017.

f). Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan quyết định chủ trương: UBND thành phố Trà Vinh.
- Chủ đầu tư: UBND xã Long Đức, thành phố Trà Vinh.
- Cơ quan thẩm định: Phòng Quản lý đô thị thành phố Trà Vinh.
- Cơ quan phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng xã: UBND thành phố Trà Vinh.

Điều 2. Giao Chủ đầu tư tổ chức lập đồ án quy hoạch theo nội dung nhiệm vụ quy hoạch được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo đúng trình tự quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

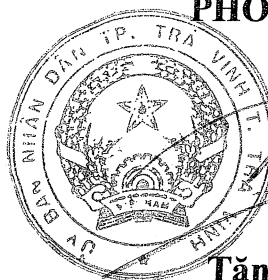
Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Thành Ủy và HĐND - UBND thành phố, Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố, Thủ trưởng các phòng ban thành phố có liên quan, Chủ tịch UBND xã Long Đức (Chủ đầu tư) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: XD, TNMT, KHĐT;
- TT. TU, TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP (Khối Đô thị);
- Như điều 4;
- BLĐ. VP, đ/c Thường;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tăng Thị Đẹp